

Bình-nguyên Lộc

Bàng Bá Lân

Tên thật là TÔ-VĂN-TUẤN. Sinh ngày 7-3-1914 tại làng Tân-Uyên tỉnh Biên-Hòa (Nam-Việt) trong một gia-đình thuộc thành-phần tiểu tư sản.

Từng làm công-chức cho đến năm 1945. Sau đó viết văn và viết báo chuyên nghiệp.

Đã viết rất nhiều truyện ngắn và tiểu-thuyết. Tất cả đều đã đăng báo; có một số đã in thành sách như *Nhốt gió* (truyện ngắn, 1950); *Đò dọc* (tiểu-thuyết 1958); *Gieo gió gặt bão* (tiểu thuyết, 1959); *Tân Liêu-traï* (lấy bút hiệu là Phong-Ngạn, 1959); *Ký thác* (truyện ngắn, 1960); *Nhện chò mối ai* (tiểu thuyết, 1962); *Ái ân thâm ngắn cho dài tiếc thương* (tiểu thuyết, 1963); *Mối tình cuối cùng* (tiểu thuyết, 1963); *Tâm trạng hồng* (truyện ngắn, 1963); *Hoa hậu Bồ Đào* (tiểu thuyết, 1963); *Bóng ai qua ngoài song cửa* (tiểu thuyết, 1963); *Xô ngã bức tường rêu* (tiểu thuyết, 1963).

Tôi nghe danh Bình-nguyên-Lộc từ khi mới di cư vào Nam (1954), nhưng chưa đọc văn anh bao giờ. Vì lúc đầu tôi còn phải lo thu xếp chỗ ở cho gia-đình, lo chạy gạo nuôi con; kể đó thì-giờ dạy học choán mất hết cả ngày tháng, không có cả đến thì-giờ đọc sách, mà truyện dài truyện ngắn của anh thì đăng lần lần trên các báo hằng ngày bên cạnh những truyện tình-cảm rẻ tiền, những truyện võ-hiệp phi lý tuy hợp với thị hiếu bình-dân nhưng lại làm nản lòng thức-giả.

Do đó, một người mỗi ngày chỉ có thể bỏ ra năm, mười phút để liếc qua tờ báo hằng ngày coi những tin tức quan trọng như tôi thì làm sao mà theo dõi anh được, dù rất muốn.

Mãi đến năm 1959, tôi mới nhận được cuốn *Đò dọc* của anh gửi cho, do một bạn văn chuyển giúp. Cái nhan-đề rất gợi cảm của cuốn truyện đã làm tôi chú ý. Chưa đọc truyện mà trí tưởng tượng của tôi đã làm việc rất lung: Tôi nghĩ đến sông đến nước, đến những chuyến đò dọc nên thơ của thời thanh-bình, đến những chuyến đò dọc rất lộn-xộn của thời loạn lạc vừa qua, đến câu "mười hai bến nước, một con thuyền", đến những vần thơ của Huy-Cận:

*Sóng gợn trường giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.
Thuyền về nước lại, sâu trăm ngã;
Cúi một cành khô lạc mấy dòng.
Lơ-thơ cồn nhỏ gió đìu-hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót-vót,
Sông dài, trời rộng bến cô liêu.
Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng,*

*Mênh-mông không một chuyến đò ngang.
 Không cầu gọi chút niềm thân mật,
 Lặng-lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.
 Lốp lốp mây cao đùn núi bạc,
 Chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa.
 Lòng quê dợn dợn vờ con nước,
 Không khói hoàng-hôn cũng nhớ nhà.*

(Lửa Thiêng-. Trường giang)

Ngâm xong mấy vần thơ du-dương và gọi cảm trên này, tôi mới thông-thả, mở sách ra thường thức... Nhưng tôi bỗng cảm thấy như lạc lõng. Khác hẳn với những điều dự tưởng, tôi không thấy có thuyền có bến, có trời rộng sông dài, có những cô lái đò xinh xắn với câu hò giọng hát đưa duyên...

Tôi bị lạc vào giữa gia-đình ông bà Nam-Thành với bốn cô con gái có những cái tên đặt rất ngộ theo điệu ca bình-bán: Hương, Hồng, Hoa, Quá, Thom.

Trên kia, tôi nói bốn cô mà sao lại có những năm tên? Ấy là vì cô Thom đã chết ngay từ buổi sơ sinh, nên điệu ca bình-bán ở đây thiếu tiếng âm bằng sau cùng, đã tắt nghẹn ngay ở tiếng trắc thứ tư như nuốt sự nghẹn-ngào đau xót!

Mà quả thực gia-đình ông bà Nam-Thành đang gặp cảnh đau xót nghẹn-ngào, nói không trôi mà để bụng cũng không đành: gia-đình này đang gặp phải hồi sa sút. Không giải quyết nỗi đời sống ở đô-thành, họ đành rút lui về vườn theo quyết định của người gia-trưởng. Đó là một sự hi-sinh lớn của bốn cô gái từng được ăn học và quen sống đời sống thị-thành, nhất là cả bốn cô đều đến - nếu không muốn nói là quá - tuổi lấy chồng, vì cô lớn đã hai mươi tám tuổi và cô út cũng đã hai mươi hai.

Đó là nỗi lo âu thường nói ra miệng của ông bà Nam-Thành, nỗi lo âu kín đáo của ông Nam-Thành và nỗi lo buồn âm-thầm của bốn cô con gái. Nhưng họ ráng hòa mình theo nếp sống ở thôn quê và gia-đình ấy tiếp tục sống những ngày hòa thuận yên vui trong sự đợi chờ an phận. Bỗng một tai nạn xe hơi xảy ra ngay trước cổng Thái-huyền trang (tên cái thôn-trang của ông bà Nam-Thành) mà nạn nhân là một thanh-niên chưa vợ, một họa-sĩ tài-hoa. Anh chàng này chỉ bị thương soàng, nhưng được gia-đình ông Nam-Thành săn sóc quá chu đáo. Thế rồi giữa Long (tên chàng thanh-niên) và mấy cô gái, cảm-tình nảy nở nhanh chóng và sóng gió bắt đầu nổi làm xáo trộn cả cuộc đời trầm lặng ở Thái-huyền trang, suýt gây nên cảnh đổ vỡ, tang tóc... Nhưng rồi sau cơn giông trời lại tạnh ráo sáng sủa, trật-tự được vãn hồi êm đẹp đồng thời nỗi lo âu chính đáng của ông bà Nam-Thành cũng hết, nhờ Bằng (người anh họ tốt bụng, hết lòng lo lắng cho tương lai của các em gái) và Long "chiếc đò dọc đã tình cờ ghé bến trên dòng thiên-ly".

Rốt cuộc ông bà Nam-Thành cũng gả chồng được cho ba cô con gái trừ cô Hương đã luống tuổi, đành sống nốt chuỗi ngày cô đơn cho đến mãn chiều, nhưng cô biết lấy cái vui của những người thân yêu làm cái vui của mình, vì tâm-hồn cô là một tâm-hồn dịu hiền sẵn sàng hi-sinh và an phận.

Truyện được tác-giả trình bày rất hấp dẫn. Tôi đã theo dõi một cách thú vị và trước khi gập sách lại, tôi đã thờ phào khoan-khoái, chia vui với ông bà Nam-Thành khi nghe hai người đàm thoại:

“Chú rể Long rước cô dâu Hồng đi xong, chiều lại ông bà Nam-Thành ngồi nhời cái hiu-quạnh của mình.

Để cho vui nhà, ông Nam-Thành nhìn bà, và cười tặc đắc mà nói:

- *Bà thấy hay không ? Rồi cũng gả trôi hết ba đứa, có ế ảm gì đâu mà bà cứ theo cặn-nhần tôi đến nhức xương ?*
- *Xi, ông không biết cái khi khô gì hết ! Hỏi thằng Bằng nó nói cho mà nghe. Gả trôi ba đứa là công lao của thằng Bằng và của cả thằng Long nữa. Nếu ngồi đó mà đợi, thì con mình sẽ thành đá vọng phu hết tội ! Ông nên biết rằng trường-hợp của mình là trường-hợp đặc biệt. Tai nạn xe hơi không bao giờ diễn lại lần thứ nhì ở gia-đình khác mà cùng cảnh với mình. Ông nghe chưa ?*
- *Nhưng việc chánh là gả được con, mà mình đã gả được !*

Rồi ông cười ha hả để đánh trống lấp.”

Tôi chắc những ai có nhiều con gái đến tuổi gả chồng, nặng lòng thương con và lo lắng cho tương lai của chúng, đọc đến đây sẽ thông cảm nhiều với ông bà Nam-Thành vậy.

Tôi chưa đọc hết những tác-phẩm đã đăng báo của Bình-nguyên-Lộc; nhưng qua những truyện đã in thành sách của anh, tôi thấy cuốn Đò dọc xuất sắc hơn cả và có thể coi là một thành công ¹

Ngoài lối thuật chuyện nhẹ-nhàng, hấp dẫn, còn những mâu đối thoại dí-dỏm, những đoạn văn bay bướm, những đoạn tả cảnh duyên dáng gợi cảm, gợi hình. Xin trích in mấy đoạn để bạn đọc cùng nhận xét.

Trước hết là đoạn văn tả đêm đầu tiên ở thôn-trang của bốn cô gái thị-thành cùng nỗi buồn nhớ của họ trước nếp sống thay đổi quá đột ngột.

*„ Qua **trĩ long** một, hoàng hôn xuống ngập đông vắng. Đây là buổi chiều đầu tiên mà bốn cô con gái sống ở thôn quê. Lòng họ bỗng nghe buồn minh-mông quá, khiến họ kinh ngạc cho số phận họ, mới hồi sáng còn ở chốn phồn-hoa đô-hội, rồi chớp mắt một cái thì bây giờ đã ngồi giữa cảnh đìu-hiu, cô-quạnh này, và không biết về sau sẽ ra sao.*

*Ông Nam Thành có sắm một cây đèn **mãng-sông**, mua xăng, mua rượu đủ cả. Nhưng ông nói thấp đèn sáng quá sợ người ta để ý ngõ gia-đình giàu-có dư-dả lắm, rồi trộm cướp nó mò tới. Nên chi họ thấp đèn dầu hôi .*

¹ Gần đây Bình-Nguyên-Lộc có cho tôi biết anh thích tiểu-thuyết Xô ngã bức tường rêu hơn Đò dọc, vì - theo anh - Đò dọc chỉ có giá trị nghệ-thuật, còn Xô ngã bức tường rêu thì ngoài nghệ-thuật còn có tính-cách xây-dựng nữa. Anh cho biết sách này đang in và hứa sẽ gửi đến tôi ngay. Nhưng rất tiếc là cho đến hôm nay tôi vẫn chưa nhận được (vì tiểu thuyết đó chưa in xong) nên không kịp giới-thiệu với bạn đọc. (B.B.L.).

Cây đèn vắn ngọn lên cao thì un khói, còn hạ thấp ngọn ánh sáng vàng vàng cũng phủ lên buồng khách một màu dơ-dáy, ủ-rũ và bịnh hoạn.

Những con sâu con trùng gì không biết, ở đâu ngoài cỏ nội bay ùa vào đăm đâu vô ống khói rồi chết thiêu rơi xuống đây mặt bàn. Có một mớ lại rơi ngay trong ống khói đèn và lớp xác sâu cứ càng lúc càng dày lên.

Lúc ấy vào cuối tháng tư, tạo-hóa chuyển mình một cách đau đớn để bước sang mùa khác, nhưng bước còn do-dự ngập-ngừng nên vạn vật dưới đây bị đè bẹp đi xuống.

Không bảo nhau, cả nhà đông đứng lên, đi ra ngoài.

Mặt dẫu nực, trời không mây. Sân sáng sao, trông mờ mờ như hừng đông. Vài con đom-đóm nở trước mùa, xẹt qua lại trên không trung thành những lần nhỏ dài như những mũi kim vàng. Đèn nhà ai le-lói đàng xa và xa nữa rùng mờ đen trên chân trời trong hơn một tí.

Trên vòm trời, sao dầy-đặc như vè cơm cháy. Đó là muôn ngàn đâu cây đình bằng vàng đóng trên một tấm trần đen.

Thỉnh thoảng một cây đình long ra, rơi đi đâu không biết.

Bốn cô con gái đều ngó về hướng nam. Một vầng ánh sáng bừng lên ở chơn trời hướng đó, như mặt nhật sắp lú lên vào buổi bình minh.

Đó là ánh sáng đỏ thành mà mới hôm qua đây họ còn sống lộn trong đó. Mới hôm qua này ? Ủ ! Nhưng sao mà nghe như lâu quá rồi, nghe như xa lắm rồi. Nói nhớ xú, nhớ nhà mình-mông như là họ đã lia khỏi quê cha đất tổ."

Và đây là một đoạn nữa có thể lấy nhan-đề là "Một buổi chiều ở thôn-quê":

"Sau ba bốn ngày nóng bức, gió nồm thổi dữ. Trái sao trái dâu có cánh ở đâu bay tới như mưa, quay tròn như con vụn trên không trung rồi rơi xuống đây sân.

Không khí buồn tẻ ở Thái-huyền-trang nhờ thế, đỡ lạt phần nào.

Chiều chiều bốn cô con gái đợi gió. Hễ gió nổi lên là họ vui như các thứ quả có cánh ấy là những bức tâm-thơ của người xú xa gửi đến.

Trái sao, trái dâu bay đẹp mà rơi cũng đẹp. Nhưng trái trắc bay trông lại buồn cười. Cánh của thứ trái ấy không chia ra hai nhánh, hoặc bốn nhánh mà lại bao quanh tròn cả trái. Trái trắc, nếu gió to thì bay cuông loạn lộn nhào, còn nếu gió nhẹ, thì bay như đĩa bay mà các cô thấy trong chiếu bóng.

Thú nhứt là rượt bông lông-mức. Bên kia đường, một cây lông-mức già trụi lá đứng đó bồi thêm vài vệt buồn vào cảnh khô hạn ở Xóm Thuốc này.

Trái lông mức tròn mà dài như trái đậu bắp. Chiều chiều, vỏ cứng như vỏ sò của trái ấy nổ tách ra làm hai rồi thả ra muôn ngàn cái bông trắng, bay như tuyết đổ.

Bông gồm một hạt vàng nhỏ như hạt lúa, trên đầu hạt lông trắng, mọc tua tủa ra, lông mịn như tơ, mà cong như lông mi, dùng làm cánh, đưa hạt vàng về những nơi xa lạ.

Nhiều bông quá nặng, cánh chò không nổi, sa xuống trên sân, nhưng vẫn bay là là ngang đầu người chò không chịu rơi xuống đất.

Các cô rượt bắt mó bông ấy, ai bắt được một chiếc thì sung sướng vô cùng. Chỉ vỏ mó lông trắng mịn giữa hai ngón tay cũng đủ vui vẻ một buổi chiều trông rỗng.”

(Đò dọc)

Tôi có nghe một vài nhà văn tỏ ý kiến về truyện Đò dọc, nói rằng “Truyện này phảng phất giống một tiểu thuyết của tây-phương và, vì thế, nó có vẻ ... tây !”.

Có lẽ vì mấy lời đề tặng mà tác-giả cho in ở đầu sách: Kính tặng J.J. Bernard, người sáng tạo “*kịch thuyết ít lời*” mà vở kịch danh tiếng “*Con đường quốc gia số 6*” đã gọi hứng cho tôi.

Hoặc giả các bạn ấy ám chỉ truyện “*Les quatre filles du docteur March*” của Lm. Alcott và P.J. Stahl ?

Tôi cũng nhận có vài điểm giống, như: đoạn đầu tác-giả cho biết gia-đình họ March trước kia giàu có nay mới sa sút; rồi cũng có bốn chị em gái sống hòa thuận thương yêu nhau, và này tâm-hồn dịu hiền của cô Hương cũng là tâm-hồn dịu hiền của cô Beth, còn cô Quá thì dạn-dĩ nghịch ngợm chẳng khác gì cô Jo (tên Joséphine gọi tắt), v. v...

Tôi không biết Bình-nguyên-Lộc đã có đọc truyện. “*Les quatre filles du docteur March*” hay không ? Nhưng, theo tôi, những điểm tương tự ấy không đáng kể, và Đò dọc không vì thế mà bảo là giống “*Les quatre filles...*” và nó vẫn là tiểu-thuyết sáng tác có giá trị của Bình-nguyên-Lộc. Còn chề là “có vẻ tây” thì cũng hơi quá ! Bốn cô con gái ông Nam-Thành tuy mới, nhưng vẫn có cốt cách Việt-nam. Và các cô đều là gái sinh trưởng ở thị-thành, có tây học, thích ăn kem (như cô Hoa), mê say chiếu bóng (như cô Quá), ở giữa một xã-hội từng chung đụng với người tây-phương gần một thế-kỷ và chịu ảnh-hưởng nặng-nề văn-hóa Pháp thì làm sao tránh khỏi không tiêm nhiễm ít nhiều tinh-thần cùng nếp sống tây-phương ?

Ngoài tiểu-thuyết *Đò dọc*, tôi thích những truyện ngắn của Bình-nguyên-Lộc hơn truyện dài của anh. Trong tập truyện ngắn “*Ký thác*”, có nhiều truyện làm ta phải cảm động và suy nghĩ như những truyện : *Rừng mắm*, *Ba con cáo*, *Ăn cơm chưa*, *Cho tay này lấy tay kia*. Và các văn, thi-sĩ chắc không khỏi bùi-ngùi cho số kiếp con tầm rút ruột của mình qua truyện *Người đàn ông để*. Còn trong tập truyện ngắn “*Tâm-trạng hồng*” thì hầu hết các truyện đều kết cục rất bất ngờ khiến người đọc ngạc nhiên một cách thích thú.

Trong số những truyện đã xuất bản của Bình-nguyên-Lộc còn có một tập truyện quái đản kiểu “*Liêu-trai chí dị*” của Bồ Tùng-Linh. Do đó, tác-giả lấy nhan sách là “*Tân Liêu-trai*” (riêng tập truyện này, anh ký bút hiệu là Phong-Ngạn). Tuy truyện phỏng theo lối viết truyện ma của họ Bồ, nhưng kết cục lại chịu ảnh-hưởng tinh-thần khoa học tây-phương, nghĩa là không có ma gì hết và người sợ ma chỉ là người nhút nhát thần hồn nát thần tính, vì những cái mình tưởng là ma chỉ là người bằng xương bằng

thịt. ! Truyện quái đản của Bình-nguyên-Lộc vì thế, có được ưu-điểm là không hoang đường, nhưng - cũng vì thế - thiếu vẻ kỳ thú của Liêu-trai, của những giấc mơ ảo huyền thoát tục. Đọc *Tân Liêu-trai* của anh, ta vẫn thấy mình bị gắn liền với thực tại vật-chất, và chỉ sau vài ba truyện là ta nắm ngay được chớp ... con ma. Ta biết chắc là không có ma, thế là ta hết sợ, và hết sợ thì bớt thú ! Người lớn tuổi - nhất là lại có học thức - đọc truyện ma đâu có dễ bị ảnh-hưởng sự hoang đường. Vì thế, ta không lo ngại họ trở nên mê tín. Họ đọc truyện ma là muốn quên thực tại đau buồn trong chốc lát để lạc vào thế-giới kỳ bí của linh-hồn đang tìm những cảm-giác lạ cũng như thi-nhân mơ mộng đề mây, cuõn gió, thả hồn lên cỏi trăng sao. Họ biết là nói láo mà họ vẫn thích nghe, đúng như Vương-Ngư-Dương đã cảm đề "Liêu-trai chí dị" :

*Cô vọng ngôn chi, cô thính chi !
Đậu bằng qua giá vũ như ti.
Liệu ưng yếm tác nhân gian ngữ,
Ái thính thu phân quý xướng thi.*

Bản dịch của Tân-Đà :

*Nói láo mà chơi, nghe láo chơi,
Giàn dưa lún-phún hạt mưa rơi.
Chuyện đời hẳn chán không buồn nhắc,
Thơ-thần nghe ma đọc mấy lời.*

Bản dịch của Vũ Hoàng-Chương :

*Nói bừa bừa đi, nghe bừa bừa,
Dây dưa giàn đậu phối tơ mưa.
Giọng đời chán ngấy người lên được,
Tiếng quý mô thu hát thấy ư,²*

Do đó, *Tân Liêu-trai* của Bình-nguyên-Lộc chỉ làm thỏa mãn được những độc-giả ưa chuộng khoa-học mà không lôi cuốn được những người thích... nghe nói láo ! Mà những người sau này lại chiếm số đông; vì thế anh khó mà lẩn được họ Bồ ở địa-hạt này, nhất là "Liêu-trai chí dị" không phải chỉ toàn nói láo suông mà còn có nhiều truyện mĩa đời, răn người rất sâu sắc.

*

Tuy đã được thưởng thức văn tài của Bình-nguyên-Lộc từ 1959, qua tiểu-thuyết *Đò đợc*, tôi vẫn chưa có dịp gặp anh. Mãi đến giữa năm 1961, tôi mới gặp anh lần đầu tại Câu-lạc-bộ Sĩ-Quan ở Chợ-lớn, nhân buổi nói chuyện về thơ của Hà-thượng-Nhân

² Tôi lục in bản dịch của Tân-Đà vì là bản được nhiều người biết và lời thơ nghe thì lưu loát, nhưng tiếc thay bản dịch này còn đôi chút khuyết điểm như câu 2 không dịch chữ "đậu bằng", câu 4 thiếu ý "thu phân" và chữ "lún-phún" ững quá, không thích hợp với mưa rơi. Không hiểu sao dịch-giả không nghĩ đến chữ "lất phất" ? Bởi vậy tôi lại in thêm bản của Vũ Hoàng-Chương, dịch sát hơn. Hai câu cuối của bản này mới đọc nghe như tâm thường nhưng ngâm nghĩ mới thấy tự-nhiên và hóm-hỉnh, chua chát nữa, vì việc đời quả lắm lúc ...chán thấy mô !

do bác-sĩ trung tá Hoàng-văn-Đức, chỉ huy trưởng trường Đại Học Quân Y, tổ chức. Hôm ấy, anh đến muộn, đi vào ngồi gần bên tôi. Anh lặng lẽ đưa tay chào ; tôi bắt tay anh, yên trí là một nhà văn nào đó. Kịp đến khi ban tổ chức giới-thiệu từng người, chúng tôi mới nhìn nhau ngạc nhiên nhưng vui thích. Tối hôm ấy, tôi chỉ trao đổi được với anh có ít lời vì còn nghe diễn-giả nói và nhất là mãi nghe cô Hồ-Điệp ngâm thơ ; nhưng hình dáng con người gầy gò, hiền lành, có vẻ ít nói ấy đã làm tôi nhớ mãi. Tôi không ngờ một người bề ngoài ồm ỷ, hiền lành như vậy mà lại có sức sáng tác rất dồi-dào, có những nhận xét dí-dỏm sâu sắc, có giọng văn duyên dáng tài hoa.

Gần đây, nhân anh ghé thăm, tôi có đưa anh xem tập "lưu-bút" để anh ghi cho ít hàng làm kỷ-niệm. Tôi hơi ngạc nhiên thấy anh không nghĩ ngợi, thoăn-thoắt viết ngay. Hỏi, thì anh cười đáp :

- Chơi với ai, nhất là các bạn trong làng văn, tôi đã có nhận xét về người ấy. Với anh cũng vậy, nên chỉ việc viết những nhận xét ấy ra, chứ có gì đâu !

Nhưng tôi thì tôi cho là anh khiêm tốn để che giấu cái tài mẫn tiệp của anh. Qua mấy dòng lưu bút mà tôi được mục-kích khi anh viết, tôi có cảm-tưởng anh viết văn rất dễ dàng và rất thành-thực khi nói rằng anh tha-thiết yêu quê hương xứ sở. Trong nhiều truyện và các thiên tùy bút (như *Tình đất*) khảo luận, sưu tầm (thư *Thổ ngoại Đông nai*) anh đã từng nhiều lần biểu lộ mối tình cao đẹp ấy.

Tiện đây, xin chép lại mấy hàng lưu bút của anh để ghi chút kỷ-niệm giữa anh với tôi, đồng thời cũng để độc-giả xét xem nhận định của tôi có hay không đúng :

"Tôi ích kỷ lắm nên tôi thương những người thương tôi. Qua mấy bài thơ "Trái sầu riêng", "Trái măng-cụt", "Trái xoài", "Trái vú sữa", "Ngõ hẻm",..., tôi thấy rằng anh thương mến miền Nam của chúng tôi, tức là của tôi, tức là chính tôi, nên tôi thương mến anh."

Phú-nhuận, 26-5-63

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

*

Để hiểu rõ hơn về tác-giả, tác-phẩm, phương-pháp làm việc, vấn đề cảm-hứng, v.v..., tôi mở một cuộc "phỏng vấn văn-ngệ" và "buộc" anh trả lời.

Tôi hỏi :

- Anh bắt đầu viết văn từ bao giờ ?
- Từ hồi còn đi học. Nhưng mãi đến năm 1942 văn thơ của tôi mới được báo chí nhận đăng.
- Cách làm việc của anh thế nào ? Có phải đợi cảm-hứng không ?
- Buổi đầu, tôi đợi hứng. Nhưng trong vòng mười năm sau này tôi làm việc đều đều, mỗi ngày nhất định phải viết bao nhiêu trang, mặc dầu bận gì. Nhờ sự đều đặn trong mười năm liền ấy tôi đã viết được khá nhiều.
- Anh cho biết rõ ; khá nhiều là bao nhiêu ?
- Cho tới ngày 31-5-63, tôi đã viết được 600 truyện ngắn, 37 truyện dài, 1 tập tùy-bút (*Tình đất*), 1 tập sưu-khảo (*Thổ ngoại Đông-Nai*), 2 quyển văn vần cho trẻ em (*Việt-sử*

trường ca, Cổ tích Việt-Nam), 1 tập thơ (Thơ tay trái), 1 tập nghị-luận (Vài ý nghĩ về văn nghệ), 1 tập khảo-cứu, cùng soạn với trường nam tôi là bác-sĩ Tô-Dương-Hiệp : *Khinh-tâm bệnh và sáng tác văn nghệ* (Névrose & Créations artistiques et littéraires). Ngoài ra, tôi còn dịch được 3 bộ sách Pháp là : Poil de carotte của Jules Renard, Tartarin de Tarascon của Alphonse Daudet và Le livre de mon ami của Anatole France.

Tất cả những tác-phẩm trên này đều đã đăng báo và một số đã in thành sách.

- Anh có gặp trở ngại gì trong việc bắt buộc phải sáng tác đều đều và đúng kỳ hạn ?
- Ấy, có nhiều nhà văn cho rằng tôi viết tiểu-thuyết đăng báo hằng ngày sẽ có hại cho văn-nghiệp của tôi vì tôi viết vội, làm sao hay được !

A, cái vạ này thật là mâu thuẫn một cách buồn cười ! Mấy mươi năm gần đây, các văn-hào trên thế giới đều khuyên văn nhân, thi-sĩ nên làm việc đều đều mỗi ngày và có qui-cử chớ đừng đợi hứng như ngày xưa nữa. Những lời khuyên ấy rất có lý nên hầu hết văn-nhân thi-sĩ ta đều cho rằng nên theo. Như thế, nếu không viết tiểu-thuyết đăng báo hằng ngày thì mỗi ngày tôi cũng phải viết chừng năm trang giấy, y như là viết đăng báo, nên tôi theo đúng lời khuyên như trên mà ai cũng cho là có lợi. Thế thì đăng báo hằng ngày hay không đăng báo hằng ngày có khác gì nhau đâu ? Có nhiều tờ báo chỉ đăng ba trang ruồi của tôi thôi, nghĩa là ít hơn số chữ mà tôi phải viết mỗi ngày. Hay là các vị ấy ám chỉ đến nhiều tiểu-thuyết của tôi đăng một lượt trên nhiều tờ báo ? Nhưng có gì chứng tỏ rằng tôi viết mỗi ngày đến bốn tiểu-thuyết một lượt ? Tôi không thể có sẵn được một số tiểu-thuyết đã viết xong ư ?

Ngày nay, trên thế-giới có nhiều nhà văn (rất có danh) viết bằng máy đánh chữ, nghĩa là không có sửa chữa, và những người chưa đến đổi làm thế, đều có khuynh-hướng muốn làm thế. Khi mà ai cũng vội vàng cả, thì người ta sẽ *đánh giá-trị trên cái gì còn lại của mỗi nhà văn trong không khí hấp-tấp đó*.

Nếu họ gọt từng chữ như G. Flaubert thì họ được 10 điểm; còn như họ hồi hả, họ chỉ còn 6 điểm thôi, thiệt cho họ mà cũng thiệt cho cả người thưởng thức; nhưng biết sao, vì nhịp sống đưa họ tới đó, họ hoàn toàn bất lực, không cưỡng lại được. Rồi các nhà văn ta cũng sẽ thế, vì một ngày kia nhịp sống ở đây sẽ cũng vun vút như bất kỳ ở đâu, không ai còn thì-giờ gọt dũa nữa !

Vậy nếu tác phẩm của tôi không hay là tại tôi bất tài, chớ không phải tại viết báo hằng ngày mà thành dở ! Tôi nói điều này ra, thật là bất lợi cho tôi; vì hiện giờ tôi có thể nương vào luận-cứ của các nhà phê-bình ấy để đổ thừa sự bất tài của tôi cho báo hằng ngày. Nói rõ quan-điểm của tôi ra, tôi không còn đổ lỗi cho ai được nữa cả và đành phải chịu là bất tài vậy, trong khi tôi rất có lợi mà rêu-rao rằng : "Các bạn ơi, tại tôi viết vội nên mới dở thế, chớ nếu có thì giờ gò gẫm thì tôi đã viết hay hơn và sẽ hay lắm kia !"

- Anh có những nguyện vọng gì trong đời văn của anh ?
- Tôi tham lam nên có nhiều nguyện vọng, nhưng nói ra sao cho hết ! Vậy xin chỉ đưa ra nguyện vọng tha-thiết nhất của tôi.

Trước khi trình bày nguyện vọng đó, tôi xin mạn phép xúc phạm đến các nhà in của người mình, họ cấu thả một cách đáng buồn ! Thường thì sách in, tác giả sửa bài ở bản cuối cùng, và các lỗi đều đã được sửa hết. Nhưng ông sếp "typo" chẳng

mấy khi không để sót lỗi. Cái đó cũng không sao, vì đáng lý còn phải sửa lại một lần chót nữa khi lên máy, rồi ký tên cho phép thì máy mới được chạy. Nhưng thói tục các nhà in của ta là cho lên khuôn máy hồi 12 giờ đêm. Họ không buồn đợi sáng để tác-giả đến sửa, cứ đưa cái bản lên máy đó cho bất kỳ một thầy cò phụ nào xem để ký tên (vì lúc ấy ông thầy cò chính cũng đã ngủ mất rồi!). Vì kém cỏi, vì lười, vì buồn ngủ, ông thầy cò phụ nhắm mắt ký tên bừa; thành thử sách nào in trong nước cũng còn những lỗi là lỗi!

Vì thế, nguyện vọng tha-thiết của tôi là ngày sau, nếu may ra đoạn văn nào của tôi mà còn được để đời thì tôi mong mọi các nhà trích văn hãy nên tìm đến gia-đình tôi, xem chính quyển sách riêng của tôi được sửa chữa lại do chính tay tôi, *đúng y theo bản thảo*. Hiện giờ nhà soạn sách giáo-khoa nào mà có xin phép tôi để trích văn, tôi cũng yêu cầu như thế. Còn nhà nào không xin phép, tôi không hay biết, thì nếu có trích in sai tôi không chịu trách-nhiệm.

Năm ngoái, có một giáo-sư xin trích một đoạn văn trong quyển Đò dọc, trong đó có câu: "*Những thanh sắt đã nung, đỏ lân lân như lửa đã rửa được cái đen đúa dơ dáy của nó*". Câu văn này, may quá, sách lại in đúng. Nhưng vị giáo-sư ấy ngỡ là in sai một dấu phết và đề nghị đòi dấu phết ấy như thế này: "*Những thanh sắt đã nung đỏ lân lân như lửa, đã rửa được cái đen đúa dơ dáy của nó*". Ai biết tiếng Pháp thử dịch hai câu trên ra Pháp-văn và sẽ thấy ngay là hai câu khác nghĩa nhau rất xa khi một dấu phết bị đòi chỗ.

Câu thứ nhất của tôi có thể dịch là: "*Les barres de fer chauffées, rougissent de minute en minute comme si le feu aurait lavé leur saleté*". Còn câu của vị giáo-sư phải dịch là: "*Les barres de fer chauffées peu à peu au rouge, pareilles à du feu, ont lavé leur saleté*"

Câu sau chẳng những khác hẳn câu trước, mà còn vô nghĩa nữa; vì trong câu Pháp-văn thứ nhì, chữ *của nó* (leur) không chỉ được là của ai! Những thanh sắt đã nung đỏ, rửa được cái dơ bẩn của ai? Nếu là của chính nó thì phải viết: "*... tự rửa được cái dơ dáy của mình*", và - như thế - câu chữ Pháp phải là "*Les barres de fer chauffées peu à peu au rouge, se sont lavées les saletés*"

Câu chuyện này xảy ra khiến tôi đâm sợ, vì sách của tôi bị in sai không biết mấy trăm lỗi trong một quyển. Một dấu phết nhỏ mọn cũng đã quan trọng đến thế, huống chi là các chữ! Thế mà sách nào cũng sai lỗi vài trăm dấu phết và lỗi bảy tám mươi chữ là thường!

Hỏi về nguyện vọng mà lại chỉ được nghe than thở về kỹ thuật ấn-loát của ta, người không ở trong nghề hẳn không khỏi ngạc nhiên. Nhưng tôi rất thông cảm với anh. Và tất cả các bạn văn đã từng hơn một lần đau xót cho đứa con tinh-thần của mình khi ra đời bị bà mẹ vườn vụng-về cấu thả làm trẹo tay què chân hay thành tật, hẳn cũng đồng ý.

Tôi tiếp tục phỏng vấn Bình-nguyên-Lộc:

- Anh cho biết tác-phẩm đầu tay của anh là quyển nào?
- Là truyện dài lịch-sử Phù-sa. Đó là tác-phẩm lớn nhất của tôi (chừng 900 trang) viết từ năm 1942 mà chưa xong hẳn, mặc dầu đã đăng báo một phần (tạp-chí Nhân-

- Loại), Truyện tả cuộc di-cư vĩ đại của đồng-bào ta cách đây ba trăm năm, đổ xô vào Nam để khai hoang đất mới, dựng nên miền Nam ngày nay.
- Trong các tác-phẩm của anh, tương đối anh thích tác-phẩm nào hơn? Và những đoạn văn nào, khi viết, anh thấy có hứng hoặc ửng ý hơn cả?
 - Tôi thấy khó đáp câu này, vì nhiều tác-phẩm có liên hệ đến tâm-sự mình nên mình yêu thích, ngỡ nó hay lắm, nhưng thật ra không có giá-trị bao nhiêu đối với người khác. Hơn thế, người đời lại đoán biết được những gì là mình muốn giấu. Tuy nhiên tôi cũng xin đáp rằng tác-phẩm của tôi mà tôi thích nhất là tiểu-thuyết *So le*. Truyện này đăng báo cách đây đã mười năm, không còn ai nhớ cả, không ai đoán được gì hết vì tôi không cho xuất bản bây giờ. Khi tôi chết rồi, gia-đình tôi có cho in thì tôi không còn đó để mà sợ người ta cười. Nhưng, vì lỗi làm việc của tôi, tôi lại có thể nói rằng: Tác-phẩm nào của tôi, tôi cũng thích hết, vì những truyện tôi viết ra đều hoàn toàn bịa đặt, nhưng tất cả chi tiết trong ấy đều có thật. Thành ra ở truyện nào cũng có tôi cả, ít hay nhiều, không nhân-vật chính thì cũng nhân vật phụ. Tôi thương tôi qua những nhân-vật ấy và, vì thế, tôi thương tác-phẩm của tôi. Có một tác-phẩm trong đó không có tôi - một truyện dài bằng văn vần - nhan là *Thơ Ba Mến* - nhưng tôi rất thương. Đây mới thật là thương, thương không ích kỷ, thương nó vì nó chớ không phải vì mình ³
- Còn đoạn văn mà tôi thích nhất? Chắc chắn là văn trong truyện ngắn; vì trong tiểu-thuyết tôi không dám tả cảnh, tả người sợ nó sẽ dài đến bảy tám trăm trang làm mệt người đọc. Nhưng hiện nay tôi không nhớ rõ đoạn nào, mà đọc lại hết cả 600 truyện ngắn để lựa ra thì chắc lúc đó anh không còn viết loạt sách "*Kỷ niệm và nhận định...*" này nữa! Vậy xin tạm đưa ra một đoạn văn trong tiểu-thuyết "*Nhận chờ mỗi ai*": Đó là đoạn ở cuối truyện gồm có bức thư của Liên gửi cho Ngọc và những đoạn văn xen lẫn trong thư (trừ ba dòng sau chót) ⁴
- Theo như anh vừa nói thì anh đã sáng tác một truyện dài bằng văn vần, nghĩa là anh có làm cả thơ. Vậy tiện đây anh có thể cho biết bài thơ nào anh ửng ý nhất không?
 - Nói là yêu mến nhất thì đúng hơn. Đó là bài thơ "*Dâng má thương*" ⁵, tôi làm tặng má tôi. Bài thơ này đã đăng trong tạp-chí Bách-Khoa dùng làm tựa cho tập sưu-khảo *Thổ-ngòi Đông-Nai*, nhưng cũng được cho vào tập thơ *Thơ tay trái* (gồm độ 40 bài).

*

Đã biết rõ tất cả những điều muốn biết, tôi ngừng hỏi, ngồi yên lặng ngắm Bình-nguyên-Lộc và tự nhủ: Con người nhỏ nhắn này quá có sức làm việc phi thường.

Một ý nghĩ so sánh thoáng qua óc tôi: Tôi nghĩ đến Victor Hugo, đến Honoré de Balzac của nước Pháp ở thế kỷ XIX và - gần hơn, cả về không-gian lẫn thời-gian - đến Hồ-Biểu-Chánh. Rồi tự nhủ thêm: Đây là một ưu điểm đáng kể của miền Nam.

³ Có giới thiệu đoạn đầu trong phần phụ lục ở dưới

⁴ Xem phần phụ lục.

⁵ Xem phần phụ lục.

Nhưng lớp trước có Hồ-biểu-Chánh, lớp này có Bình-nguyên-Lộc, còn lớp sau sẽ có ai ?

(Tháng năm, 1963)

Bàng Bá Lân

Nguồn: Văn Thi Sĩ Hiện Đại, Kỷ Niệm, Nhận Định
Xây Dựng xuất bản. Quyển II, 1963